

Bản án số: **40/2024/DS-ST**  
Ngày: 25-9-2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC - TỈNH LÂM ĐỒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ninh Khắc Phong**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Thành Công**

2. Ông **Nguyễn Ngôi Sao**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Bắc** - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Chung** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2024/QĐST- DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm: 1960; địa chỉ: Số C L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Vũ Thị C**, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số A T, thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:* Do có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau nên trong thời gian qua bà đã cho bà Vũ Thị C vay nhiều lần tiền (tổng cộng 31 lần), các lần vay bà C sau khi nhận tiền đều viết giấy vay tiền giao cho bà giữ, cụ thể như sau: Ngày 06/05/2019 cho vay số tiền 40.000.000đ; ngày 10/5/2019 cho vay số tiền 40.000.000đ; ngày 20/5/2019 cho vay số tiền 40.000.000đ; ngày 27/9/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 03/11/2019 cho vay số tiền 55.000.000đ; ngày 09/11/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 13/11/2019 cho vay số tiền 60.000.000đ; ngày 18/11/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 26/11/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 28/12/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 08/01/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 08/01/2020 cho vay số tiền 60.000.000đ; ngày 09/01/2020 cho vay số tiền 40.000.000đ; ngày 23/01/2020 cho vay số tiền 605.000.000đ; ngày 12/3/2020 cho

vay số tiền 30.000.000đ; ngày 19/3/2020 cho vay số tiền 15.000.000đ; ngày 10/4/2020 cho vay số tiền 20.000.000đ; ngày 15/4/2020 cho vay số tiền 20.000.000đ; ngày 29/4/2020 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 06/05/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 07/8/2020 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 17/8/2020 cho vay số tiền 30.000.000đ; ngày 04/9/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 23/9/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 25/12/2020 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 06/5/2021 cho vay số tiền 50.000.000đ; ngày 22/11/2021 cho vay số tiền 100.000.000đ; ngày 24/12/2021 cho vay số tiền 100.000.000đ; ngày 29/01/2022 cho vay số tiền 300.000.000đ; ngày 11/02/2022 cho vay số tiền 250.000.000đ; và ngày 29/4/2022 cho vay số tiền 30.000.000đ. Tổng cộng là 2.345.000.000đ tiền gốc. Trong tất cả các lần vay tiền nêu trên thì lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, bà C đã trả lãi cho bà đầy đủ cho đến ngày 29/4/2022 và khoản vay cuối cùng ngày 29/4/2022 thì chưa trả khoản lãi nào. Toàn bộ tiền gốc đến nay cũng chưa trả khoản nào. Toàn bộ số tiền gốc bà cho bà C vay này là tiền làm ăn riêng của bà không liên quan đến ông Đỗ Văn B (chồng bà) và cũng không liên quan đến ông Phạm Thế H (chồng bà C). Sở dĩ trong các giấy vay tiền có ghi tên bên vay là ông Phạm Thế H là do bà C tự viết vào, chứ ông H không tham gia vay tiền của bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Vũ Thị C phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 2.345.000.000đ, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Bị đơn bà Vũ Thị C trình bày:* Bà có vay tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần vài chục triệu và đều viết giấy mượn tiền của bà N. Lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, bà đã trả lãi đầy đủ cho bà N đến cuối tháng 4/2022 thì không có khả năng trả nữa. Bà không nhớ rõ vay của bà N bao nhiêu lần tiền và tổng cộng trong các lần vay này là bao nhiêu tiền gốc. Tuy nhiên, vào đầu năm 2022 bà N nói với bà là hai bên tính toán nợ nần rồi ghi tổng cộng lại thành một món nợ thôi, bà cũng đồng ý nhưng hai bên chưa ngồi tính toán cụ thể thì bà N đưa cho bà một tờ giấy chưa ghi nội dung (chưa ghi số tiền nợ tổng cộng) rồi nói bà về nhà đưa cho chồng bà cùng ký vào. Bà cũng về đưa cho chồng bà là ông H ký, sau đó bà cũng ký vào và đưa lại tờ giấy chưa ghi nội dung số tiền nợ này cho bà N. Do lúc đó bà bận nên không yêu cầu bà N cùng ngồi lại tính toán tất cả các khoản nợ của bà lại và ghi vào trong giấy này cũng như hủy bỏ các tờ giấy nợ trước đây bà đã viết cho bà N. Đến ngày 05/5/2022 do không còn khả năng trả lãi cho bà N cũng như một số chủ nợ khác nên bà bỏ đi khỏi địa phương một thời gian, bà có gọi điện về xin khất nợ bà N. Sau đó, bà nghe con bà gọi điện nói là bà N đang khởi kiện vợ chồng bà số nợ 3.000.000.000đ, theo bà nghĩ số tiền này chính là tờ giấy chưa ghi nội dung mà vợ chồng bà đã ký cho bà N với mục đích chốt lại tổng các khoản nợ thành một món. Bà N cũng tự điền số tiền nợ 3.000.000.000đ vào giấy chứ không tính toán cùng bà. Sau đó, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xét xử bằng bản án 40/2022/DS-ST ngày 28/10/2022, buộc vợ chồng bà phải trả cho vợ chồng bà N số tiền 3.000.000.000đ. Hiện nay bà N lại lấy những giấy vay tiền cũ mà bà đã ký cho bà N ra khởi kiện, các khoản nợ này đã được bà N tự tổng hợp thành khoản nợ 3.000.000.000đ và đã khởi kiện rồi. Vì vậy nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

#### **Tại phiên tòa:**

- Các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án và việc chấp hành pháp luật của đương sự đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Vũ Thị C. Buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 2.345.000.000đ.

Về án phí: Bị đơn bà Vũ Thị C là người cáo tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà C.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

##### [1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N yêu cầu bị đơn bà Vũ Thị C phải trả số tiền gốc 2.345.000.000đ của 31 lần vay trong thời gian từ ngày 06/05/2019 đến ngày 29/4/2022. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn, bà Vũ Thị C có địa chỉ cư trú tại số A T, thôn T, xã L, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Trong một số giấy vay tiền có ghi tên ông Phạm Thế H (chồng bà C) và ông Đỗ Văn B (chồng bà N) nhưng cả bà N, bà C đều khẳng định việc vay tiền chỉ có hai bà với nhau, các ông không tham gia, tự bà C viết tên các ông vào. Trong khi cả bà N, bà C đều không yêu cầu ông H cùng có nghĩa vụ trả tiền; còn ông B thể hiện ý kiến ông không biết việc vay mượn tiền này, tiền bà N cho bà C vay là tiền riêng của bà N, ông không có ý kiến, yêu cầu, tranh chấp gì trong vụ án này. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Đỗ Văn B và ông Phạm Thế H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với vụ án.

##### [2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] Về việc áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đang tranh chấp về số tiền gốc 2.345.000.000đ của 31 lần vay trong thời gian từ ngày 06/05/2019 đến ngày 29/4/2022. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh trong hoạt động giao dịch dân sự nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung vụ án.

[2.2] Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Nguyên đơn, bà Trần Thị Tuyết N xuất trình cho Tòa án các bản chính giấy có nội dung vay tiền, tổng số tiền 2.345.000.000đ của 31 lần vay trong thời gian từ ngày 06/05/2019 đến ngày 29/4/2022 đều có chữ ký, chữ viết “Vũ Thị C”.

[3.2] Tại bản tự khai ngày 22/11/2023, bị đơn bà Vũ Thị C cho rằng các giấy vay tiền mà bà N đang khởi kiện bà trong vụ án này thì do bà N tự viết và ký vào chứ không phải do bà viết và ký; đồng thời bà C đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các bản chính giấy vay tiền này.

[3.3] Tại kết luận giám định số: 33/KL-KTHS(TA) ngày 08/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh L đã xác định:

- Chữ viết “Vũ Thị C” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A31 so với chữ viết mang tên Vũ Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người viết ra.

- Mà mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 chính là bản chính là 31 giấy có nội dung vay trong thời gian từ ngày 06/05/2019 đến ngày 29/4/2022 mà nguyên đơn bà N đã nộp cho Tòa án.

- Còn mẫu so sánh ký hiệu M1, M3 chính là bản tự khai đề ngày 22/11/2023 của bà vũ Thị C; mẫu so sánh ký hiệu M2 chính là đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định của bà vũ Thị C.

[3.4] Bị đơn bà C đã được Tòa án thông báo kết quả giám định tại Kết luận giám định số: 33/KL-KTHS(TA) ngày 08/5/2024 của Phòng K - Công an tỉnh L nhưng không có ý kiến phản đối hay yêu cầu giám định lại.

[3.5] Bị đơn bà C cho rằng vào đầu năm 2022 bà N nói với bà là hai bên tính toán nợ nần rồi ghi tổng cộng lại thành một món nợ, bà N đưa cho bà một tờ giấy chưa ghi nội dung rồi nói bà về nhà đưa cho chồng bà cùng ký vào. Bà cũng về đưa cho chồng bà là ông H ký, sau đó bà cũng ký vào và đưa lại tờ giấy chưa ghi nội dung số tiền nợ này cho bà N. Do lúc đó bà bận nên không yêu cầu bà N cùng ngồi lại tính toán tất cả các khoản nợ của bà lại và ghi vào trong giấy này cũng như hủy bỏ các tờ giấy nợ trước đây bà đã viết cho bà N. Sau đó, khi bà bỏ đi một thời gian thì bà N tự ghi nội dung vào trong tờ giấy này thành số tiền nợ 3.000.000.000đ và bà N đã khởi kiện đến Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc đã xét xử bằng bản án 40/2022/DS-ST ngày 28/10/2022, buộc vợ chồng bà phải trả cho vợ chồng bà N số tiền 3.000.000.000đ nên các giấy vay tiền mà bà N đang khởi kiện đã được giải quyết rồi. Tuy nhiên bà C không có chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai này và bà N cũng không thừa nhận việc này mà bà cho rằng khoản tiền 3.000.000.000đ mà Tòa án đã giải quyết theo bản dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 là khoản nợ mà ngày 01/4/2022 vợ chồng bà C, ông H vay của vợ chồng bà để mua đất, không liên quan đến 31 khoản vay mà

bà đang kiện. Mặt khác, theo bản án số dân sự sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc thì vợ chồng bà C, ông H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà N, ông B số tiền 3.000.000.000đ của khoản vay ngày ngày 01/4/2022, chứ không phải trong 31 khoản vay tranh chấp trong vụ án này.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của bà C về việc các khoản tiền vay đang tranh chấp trong vụ án này đã được Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc giải quyết trong bản án 40/2022/DS-ST ngày 28/10/2022.

[3.6] Bị đơn bà C cho rằng trong tất cả các lần vay tiền này thì lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, bà đã trả lãi đầy đủ cho bà N đến cuối tháng 4/2022 thì không có khả năng trả nữa nhưng bà C không có chứng cứ nào để chứng minh cho thỏa thuận về lãi suất này. Trong khi nguyên đơn bà N không thừa nhận toàn bộ lời khai về lãi suất của bà C mà bà N chỉ thừa nhận trong tất cả các lần vay tiền nêu trên thì lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng, bà C đã trả lãi cho bà đầy đủ cho đến ngày 29/4/2022 và khoản vay cuối cùng ngày 29/4/2022 thì chưa trả khoản lãi nào. Như vậy, chỉ có cơ sở khẳng định các khoản vay đều có lãi và mức lãi suất là 01%/tháng, bà C đã trả lãi cho bà đầy đủ cho bà N từ khi vay cho đến ngày 29/4/2022, khoản vay cuối cùng ngày 29/4/2022 thì chưa trả khoản lãi nào. Tuy nhiên, hiện nay các bên không có yêu cầu gì về tiền lãi đã trả và khoản tiền lãi chưa trả nên không xem xét đến.

[3.7] Trong 31 khoản vay này thì có 10 khoản vay vào năm 2019, thời hạn vay đều là 24 tháng; 15 khoản vay vào năm 2020 (trong đó 13 khoản vay thời hạn 24 tháng, 01 khoản vay thời hạn 12 tháng và 01 khoản vay thời hạn 14 tháng); 03 khoản vay năm 2021 (01 khoản vay thời hạn 12 tháng, 02 khoản vay thời hạn 06 tháng) và 03 khoản vay vào năm 2022 với thời hạn vay đều là 06 tháng. Cho đến nay đều đã quá thời hạn nhưng bị đơn bà C chưa trả tiền gốc đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[4] Từ những phân tích, đánh giá, nhận định nêu trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Trong thời gian từ ngày 06/05/2019 đến ngày 29/4/2022 bà N đã cho bà C vay 31 lần tiền gốc với số tiền tổng cộng là 2.345.000.000đ, thời gian vay từ 06 tháng cho đến 24 tháng, lãi suất 01%/tháng, bà C đã trả lãi đầy đủ đến ngày 29/4/2022, còn tiền gốc thì chưa trả khoản nào. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, buộc bị đơn bà C có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc còn nợ là 2.345.000.000đ là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định hết 6.180.000đ, bị đơn bà Vũ Thị C đã tạm nộp chi phí này. Do kết quả giám định thể hiện chữ ký, chữ viết trong các tài liệu cần giám định là do bà C viết và ký nên cần buộc bà Vũ Thị C phải chịu số tiền chi phí tố tụng này là phù hợp với quy định tại các Điều 159, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Vũ Thị C là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đối với vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 159, 161, 205, 207, 220, 227, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N đối với bị đơn bà Vũ Thị C.

Buộc bà Vũ Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền gốc còn nợ là 2.345.000.000đ (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí: Bị đơn bà Vũ Thị C là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;  
Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN ĐOÀ**

**Ninh Khắc Phong**